

Bản án số: 142/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 30-11-2023
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam
2. Bà Mai Thị Nhặc

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 407/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 447/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 2001; Nơi cư trú: 14A/2 ấp 2, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền:

+ Anh Ngô Nhật T, sinh năm 1995; Nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

+ Anh Nguyễn Thanh T1, sinh năm 2000; Nơi cư trú: ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Lê Khánh D, sinh năm 2001; Nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre

Chị N, anh T, anh T1 và anh D xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Hồng N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày theo đơn khởi kiện ngày 28/8/2023 và trong quá trình tố tụng như sau:

Chị và anh D do quen biết tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2022 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre vào ngày 2/02/2022. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và có với nhau 01 con chung tên Lê Ngọc Khánh V, sinh ngày 30/7/2022. Quá trình chung sống vợ chồng

phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã ly thân từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn đối với anh D.

Về con chung: Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có

Anh Lê Khánh D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trong quá trình tố tụng như sau:

Anh thống nhất với chị N về điều kiện kết hôn, hoàn cảnh tiền đến hôn nhân cũng như con chung, tài sản chung và nợ chung. Theo anh nguyên nhân vợ chồng anh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Nay chị N xin ly hôn anh đồng ý; Về con chung anh đồng ý để chị N nuôi, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi; Tài sản chung và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 28/8/2023 của chị Nguyễn Hồng N đối với anh Lê Khánh D thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Anh Lê Khánh D có nơi cư trú tại xã Minh Đức, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N, anh T, anh T1 và anh D đều có đơn xin vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh chị N, anh T, anh T1 và anh D là phù hợp.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: chị Nguyễn Hồng N và anh Lê Khánh D tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 22/02/2022 tại UBND xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh chị cũng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay. Trong quá trình tố tụng chị N và anh D đều thống nhất ly hôn nên Tòa ghi nhận.

2.2. Về con chung:

Trong thời gian chung sống chị Nguyễn Hồng N và anh Lê Khánh D có 01 con chung tên Lê Ngọc Khánh V, sinh ngày 30/7/2022. Hiện tại cháu V đang sống với chị N, đồng thời chị N cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh D cũng đồng ý. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của cháu V không bị thay đổi, không làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu, Hội đồng xét xử thấy rằng nên giao cháu V cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: chị N yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng, anh D đồng ý nên Tòa ghi nhận.

2.3 Về tài sản chung: Chị N và anh D khai không có nên không xem xét giải quyết.

2.4 Về nợ chung: : Chị N và anh D khai không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Nguyễn Hồng N phải có nghĩa vụ nộp.

Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng anh Lê Khánh D có nghĩa vụ nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 điểm, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các điều 51, 53, 54, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Hồng N đối với anh Lê Khánh D, cụ thể tuyên:

1. Về hôn nhân: chị Nguyễn Hồng N và anh Lê Khánh D được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Sau khi ly hôn chị Nguyễn Hồng N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Ngọc Khánh V, sinh ngày 30/7/2022.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Khánh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Lê Khánh D được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị N và anh D khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị N và anh D khai không có nên không xem xét giải quyết

5. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Nguyễn Hồng N có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001238 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng anh Lê Khánh D có nghĩa vụ nộp.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú.

Nơi nhân:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam (1b);
- UBND xã Sơn Đông (1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Hồng Diễm